

Bản án số: 328/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/ 2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Chúng;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ 3, ấp Khánh Hòa, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ 4, ấp Khánh Hòa, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị T trình bày: Hôn nhân của bà với ông Võ Văn N do tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo số vào sổ đăng ký 184, quyển số I vào ngày 13/11/2003. Sau khi cưới bà T sống bên nhà chồng khoảng 15 năm, rồi lên Đồng Nai làm phụ hồ chung với ông N được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N có người phụ nữ khác, bà có khuyên ngăn nhưng ông N không sửa chữa, khi bà nhập viện ông N không lo, bỏ mặc bà, đi làm không đưa tiền cho bà nuôi con, thậm chí còn chụp chung ảnh với người phụ nữ đó. Hai bên không còn chung sống với nhau gần 03 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị P, sinh ngày 09/3/2003 và Võ Thành Lợi, sinh ngày 25/10/2004, các cháu hiện nay đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng nhưng sau đó bà T rút lại yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông N theo quy định nhưng ông vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông N, Tòa án có đến nhà của ông để ghi nhận ý kiến của ông nhưng không gặp nên không thể ghi nhận ý kiến của ông.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 22/7/2019 được bà Nguyễn Thị Hấu là mẹ của bà T cho biết hôn nhân giữa N và T do tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại xã K. Sau khi cưới cả hai về nhà cha mẹ N sống được 10 năm, bà có cho N và T ở nhờ trên đất và cất nhà, do ở quê không đủ sống cả hai lên Đồng Nai làm thuê, khi làm thuê N có quen người phụ nữ khác và có dẫn về nhà cha mẹ N giới thiệu cho bà con họ hàng bên N biết. N có về địa P vài lần nhưng không hỏi han và thăm con. N thường hay ăn chơi, cờ bạc... Theo bà giữa hai bên không thể hàn gắn lại được.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2019 được công an xã K cho biết hiện ông N vẫn còn đăng ký thường trú tại xã theo tàng thư công an đang giữ.

Tại phiên tòa, bà T vẫn bảo lưu ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn

toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà T và ông N có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị P, sinh ngày 09/3/2003 và Võ Thành Lợi, sinh ngày 25/10/2004, các cháu hiện nay đang sống với bà T, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Tòa án đã lấy lời khai của cháu P và Lợi, được các cháu cho biết nếu cha mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng sống với mẹ (bà T).

Để đảm bảo điều kiện cho sự phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung lại cho bà T được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà T có yêu cầu ông N cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nhưng sau đó bà T rút lại, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp bà T và ông N có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn N. Đồng thời, ông N có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về việc vắng mặt của đương sự: Ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông N có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà T ly hôn với ông N thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, thường hay cãi vã, bà T và ông N có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, ông N không chăm lo cho gia đình và hai người đã không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay, thời gian không còn chung sống giữa hai bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình vì vậy có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện nay 02 con chung tên Võ Thị P, sinh ngày 09/3/2003 và Võ Thành Lợi, sinh ngày 25/10/2004 đang sống với bà T và các cháu cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ trong trường hợp cha, mẹ ly hôn. Để đảm bảo điều kiện phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dạy.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do bà T rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đồng thời đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp bà T và ông N có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung của bà T.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Văn N.

- Về con chung: Bà T được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Võ Thị P, sinh ngày 09/3/2003 và Võ Thành Lợi, sinh ngày 25/10/2004.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0011298 ngày 20/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 184, quyển số I, ngày 13/11/2003 do UBND xã K cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã K (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, VP (2);

Nguyễn Quang Bảo

